

HẦU ĐỒNG TRONG TỤC THỜ MẪU CỦA NGƯỜI VIỆT

T.S. VÕ THỊ HOÀNG LAN*

TÓM TẮT

Từ khoảng thập niên cuối của thế kỷ XX đến nay, tục thờ Mẫu dần hiện diện nhiều hơn trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân ta. Cùng với việc các đền, phủ, điện... thờ Mẫu được tu bổ, tôn tạo hoặc xây mới, các sinh hoạt văn hóa tâm linh gắn với tín ngưỡng dân gian này cũng dần được phục hồi. Tuy nhiên, thực tiễn của sinh hoạt tín ngưỡng này lại đang tiếp tục đặt ra những vấn đề gây nhiều tranh cãi, nhất là trong hầu đồng (một hình thức hành lễ đỉnh cao và là đặc trưng của tục thờ Mẫu). Để có được những ứng xử phù hợp, việc tìm hiểu nghi lễ hầu đồng từ bản chất tới ý nghĩa và những biểu hiện của nó, cần phải được đặt ra.

Từ khóa: tín ngưỡng dân gian; tục thờ Mẫu; hầu đồng; người Việt.

ABSTRACT

From the last decade of the twentieth century up to now, the worship of Mother gradually appeared more in the religious life of Vietnamese people. Along with the shrine, the temple etc. are embellished or built, spiritual activities associated with this folk belief are gradually restored. However, the practice of this religious activity is continuing to pose controversial issues, especially in the medium activity (a form of high characteristic of mother worship). In order to have appropriate behaviour, the understanding of the ritualism from its essence to its meaning and manifestations needs to be set.

Key words: Folk belief; Mother worship; Medium practice; Viet People.

Tín ngưỡng thờ Mẫu - hay còn gọi là tục thờ Mẫu - là một tín ngưỡng dân gian mang đậm bản sắc văn hóa của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ. Trong suốt quá trình tồn tại và phát triển của mình, cùng với việc dựng lên một điện thần đông đảo và tương đối quy chuẩn/bài bản với những đền, điện, phủ... uy nghiêm, tín ngưỡng thờ Mẫu còn sáng tạo được một hệ thống truyền thuyết và thần tích, cùng những sinh hoạt văn hóa tâm linh gắn bó chặt chẽ với nó, mà trong đó đáng chú ý nhất là nghi lễ hầu đồng (hay còn gọi là lên đồng, hầu bóng, bắc ghế...). Có thể coi hầu đồng là một nghi lễ chính đại diện cho tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt, bởi nó đã góp phần làm nên bản sắc và cả đặc trưng cho tục thờ này.

Thế nhưng, có lẽ từ khi xuất hiện trong sinh hoạt tâm linh của các "con nhang đệ tử" nơi "cửa Mẫu", chưa bao giờ nghi lễ hầu đồng được xã hội nhìn

nhận theo đúng vị trí và giá trị của nó, thực tế này đã kéo dài suốt từ thời quân chủ chuyên chế cho đến cuối những năm 80 của thế kỷ trước. Trong suy nghĩ của rất nhiều người, việc thực hành nghi lễ này thường bị coi là một biểu hiện của mê tín dị đoan ("đồng cốt quàng xiên"), còn những người trực tiếp tham gia (như các ông bà đồng, cung văn...) thường là những người "có vấn đề" về mặt nhân cách hoặc tâm, sinh lý: "Ở làng tôi những người đồng bóng, người điên, người dở hơi, cũng tương tự. Người này không ai giống ai, nhưng đều hay chơi với trẻ con và cũng cái mặt lừ lừ đi chỗ đồng cũng bằng chỗ không người, chẳng để mắt đến ai, như đương theo đuổi điều gì"¹; họ vẫn hay bị coi thường, nhiều khi là chế giễu:

Nhác trông lên thấy bóng cô mình

Múa may nhảy nhót rập rình với chú cung văn...

(Ca dao)

Từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX đến nay, khi việc thờ phụng Thánh Mẫu và thực hành những lễ

* Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam

thức nhằm tôn vinh các ngài dần hiện diện trở lại một cách công khai trong đời sống tâm linh của người dân, thì thực tiễn của sinh hoạt tín ngưỡng này lại tiếp tục đặt ra nhiều vấn đề gây tranh cãi, nhất là trong hầu đồng. Nhiều công trình nghiên cứu về tục thờ Mẫu của người Việt nói chung, về hầu đồng nói riêng, với nhiều hướng tiếp cận khác nhau, của cả các tác giả trong và ngoài nước, đã ra đời. Nhưng do tính chất phức tạp của hình thức sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng này, hoặc do quan điểm tiếp cận của từng công trình cụ thể, mà những nghiên cứu về hầu đồng đã công bố dường như vẫn chưa đủ để người ta có được một cách hiểu bản chất, toàn diện về nó và từ đó có thể lựa chọn được một cách ứng xử phù hợp, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay, khi mà hình thức hành lễ ở đỉnh cao của tín ngưỡng thờ Mẫu đã bộc lộ những yếu tố tiêu cực cần được hạn chế. Thực tế này khiến chúng tôi cho rằng, việc

tìm hiểu nghi lễ hầu đồng từ bản chất tới ý nghĩa và những biểu hiện của nó là những việc không thể không làm, và đây cũng sẽ là những nội dung được đề cập bước đầu trong bài viết này. Do đây là một vấn đề rất lớn, không thể giải quyết thấu đáo chỉ trong một bài tạp chí, và chúng tôi cũng không có kỳ vọng ấy, nên bài viết của chúng tôi sẽ chỉ mang tính chất như một sự đặt lại vấn đề, nhằm làm rõ hơn và tiếp nối những gì vẫn còn dang dở, của bản thân² và nhiều người đi trước.

1. Hiện tượng “xuất thần” trong không gian thiêng và hầu đồng

1.1. Sự “xuất thần” trong không gian thiêng

“Không gian thiêng” theo cách hiểu của chúng tôi chính là một không gian địa lý xác định/cụ thể mà ở đó người ta tin rằng có sự hiện diện/ngự trị của các thế lực siêu nhiên/thiên liêng/thần linh,



Một giá hầu đồng tại phủ Giày (Nam Định) - Ảnh: Khánh Trang

qua những thực thể vật chất gắn với sinh hoạt tâm linh của con người. Đó có thể là các kiến trúc/không gian tôn giáo, tín ngưỡng, hoặc cũng có thể là bối cảnh/không gian của một sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng (như không gian diễn ra một lễ thức...), và trong không gian thiêng đó, con người có thể “giao tiếp” được với đấng thiêng liêng. Cho dù chính con người đã tạo ra không gian này (bằng nhiều cách thiêng hóa khác nhau của cả một cộng đồng hay một nhóm người cùng chung tín ngưỡng) để thỏa mãn nhu cầu thông linh của mình, thì điều đó cũng cho thấy một quan điểm rõ ràng của người Việt về sự tồn tại của nhiều “thế giới” khác nhau trong vũ trụ (thế giới của thần linh, thế giới của con người...), và không gian thiêng chính là ranh giới giữa thế giới của thần linh và thế giới của con người. Do cái thiêng luôn gắn với sự trải nghiệm



Đoàn rước thánh Mẫu trong hội phủ Giày (Nam Định) - Ảnh: Khánh Trang

của mỗi cộng đồng, mỗi cá nhân, nên con người thường tiếp nhận không gian thiêng dưới góc độ bất khả tư nghị, thông qua nghiệm chứng. Nhu cầu được giao tiếp với thế giới thần linh là của toàn nhân loại và xuất hiện cùng với sự hình thành xã hội loài người, do vậy chúng ta có thể gặp ở rất nhiều cư dân trên thế giới những hiện tượng “xuất thần” trong không gian thiêng: “Tại cao điểm, một lễ Rangda-Barong (một lễ hội của người dân Bali - VTHL chú) có thể đưa tới, hoặc chí ít dường như đưa tới, bờ vực của sự điên loạn tập thể với một dóm ngày càng ít những người không bị nhập đồng gắng hết sức (và xem ra gần như luôn thành công) kiểm soát số lượng ngày càng đông của những người bị nhập đồng”³. Tương tự như vậy là hiện tượng kiệu bay, kiệu quay... trong đám rước ở các lễ hội của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ⁴... Trong tất cả các trường hợp này thì con người khi ấy đều đang ở vào một trạng thái ảo giác đặc biệt, họ như không còn là chính bản thân mình nữa, mọi hành động của họ đều không phải do phần ý thức của họ quyết định mà theo họ là như có một thế lực nào đó điều khiển. Và, chính những biểu hiện bất thường ở những người này (như sự điên loạn của những người tham dự lễ Rangda - Barong ở Bali;

hành động trái quy định của các phụ kiện khi kiệu quay, kiệu bay... trong một số lễ hội của người Việt ở Bắc Bộ) là những bằng chứng cho thấy họ như đã tiếp cận được với thần linh.

Không dừng lại ở sự xuất thần trong không gian thiêng theo cách “bị động” như trên⁵, còn là sự xuất thần một cách chủ động của các ông đồng, bà đồng, các thầy phù thủy, thầy pháp... Cho dù xuất phát từ những mục đích khác nhau, với những hình thức xuất thần không hoàn toàn giống nhau thì điểm chung nhất của những người này là ở chỗ họ đều có khả năng tự thôi miên để đưa bản thân mình vào một trạng thái ảo giác đặc biệt, và chỉ có ở trạng thái ấy, người ta mới “giao tiếp” được với các thế lực ở thế giới siêu nhiên (như thế giới của thần linh hay của những kiếp đời đã qua). Tức là họ đều có thể chủ động tự tác động vào bản thân mình (như tự thôi miên chẳng hạn) để đạt đến trạng thái xuất thần, chứ không phải chỉ xuất thần khi có những tác động từ ngoại cảnh. Và, hầu đồng trong tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt ở châu thổ sông Hồng chính là một hình thức xuất thần chủ động như vậy.

1.2. Về hầu đồng điện Mẫu

Hầu đồng là một hình thức hành lễ ở đỉnh cao của tục thờ Mẫu, tại thời điểm đó, các ông, bà đồng

(hoặc các con đồng) ở trong trạng thái xuất thần và thân thể của họ trở thành những cái “giá” hay “ghế” để các vị thánh thuộc Tứ phủ về ngự, nhờ những “giá” đặc biệt này mà “bóng” các ngài sẽ “hiện” lên ngay trước mắt các con nhang đệ tử của Mẫu. Hay nói cách khác thì hầu đồng là sự nhập hồn các vị thánh Tứ phủ vào xác con đồng, sự nhập hồn này diễn ra theo trình tự lần lượt từng vị vào cùng một xác con đồng, tức là vị thánh này về/giáng và thăng rồi mới đến vị khác theo đúng trình tự như vậy.

Tuy nhiên, không phải ai cũng có khả năng xuất thần một cách chủ động, nên cho dù hầu đồng chỉ là một nghi lễ của tín ngưỡng thờ Mẫu⁶, thì không phải mọi tín đồ của Mẫu đều có thể thực hiện được nghi lễ này, mà chỉ những người có “căn đồng” và được thần linh “lựa chọn” (bắt lính) mới có thể “ra/trình đồng”. Theo một cách giải thích thì những người có “căn đồng” là những người được coi là có một khả năng đặc biệt trong mối liên hệ với cõi siêu nhiên, thần kinh của họ thường mẫn cảm hơn mức bình thường nên có thể “nghe” được lời “dạy dỗ” của đấng thiêng liêng... Nhưng nói chung, theo quan điểm của dân gian, thì những người có căn đồng thường có những biểu hiện không bình thường về mặt tâm, sinh lý (như những người từ chỗ gặp những trắc trở trong tình duyên hoặc không thuận lợi trong đường con cái mà tinh thần bị tổn thương, hoặc người có bệnh liên quan đến thần kinh, hay còn gọi là “bệnh âm”, dân gian cũng dùng từ đồng bóng để chỉ những người hay thay đổi trạng thái tình cảm một cách bất ngờ từ cực này sang cực khác, không nhất quán, lúc thế này lúc thế khác...); hoặc không bình thường về mặt giới tính (tâm tính của họ đậm chất “ái nam ái nữ”). Do vậy, các con đồng chính là những tín đồ đặc biệt của Mẫu, họ đặc biệt bởi chỉ có (cơ thể) họ mới được Mẫu và các thần linh thuộc Tứ phủ công đồng “chọn” để làm “giá”, làm “ghế” cho các ngài ngự. Và, họ cũng nghi lễ hóa chính cơ thể mình để thánh có thể nhập đồng, qua đó bày tỏ sự thờ phụng tuyệt đối quyền năng thiêng liêng của Mẫu; không giống với phần lớn các tín đồ khác chỉ bày tỏ sự tin tưởng và tôn sùng Mẫu cùng chư vị thần linh bằng những nghi thức cúng lễ thông thường.

Do là một nghi lễ nên hầu đồng có những quy định mà các con đồng luôn phải tuân theo, như:

- Nghi lễ hầu đồng luôn luôn phải được thực hiện trước ban thờ Mẫu để các ngài chứng giám, tức là không gian thiêng của nghi lễ này phải là không gian có sự ngự trị của Mẫu cùng chư vị thần linh thuộc Tứ phủ công đồng. Và, chỉ có thể “kiểu” (cầu) được các thánh giáng đồng nếu có sự hiện diện của các ngài ở trên ban thờ đó.

- Một vật không thể thiếu trong nghi lễ hầu đồng đó là chiếc khăn đỏ dùng để phủ diện. Trước đây, nhất là ở nông thôn, nhiều con đồng không có điều kiện sắm sửa được nhiều khăn châu áo ngự để mỗi giá có một bộ trang phục tương ứng, thì chỉ với một chiếc khăn đỏ phủ diện và một sự thành kính hết sức chân thực, hồn nhiên, họ vẫn có khả năng xuất thần rất mạnh để hầu được hết các giá đồng. Như vậy, chiếc khăn đỏ có một ý nghĩa rất quan trọng cho việc nhập đồng. Người ta phủ khăn để giúp con đồng tập trung tư tưởng hơn, phần nào tránh cho họ sự tác động của những hình ảnh trần gian níu kéo tâm hồn họ không phiêu diêu được. Đồng thời, chiếc khăn đỏ phủ lên mặt con đồng còn mang ý nghĩa như một sự làm “phép” để linh hồn con đồng tạm thời “nhường” lại thân xác như một cái “giá” cho các vị thánh về “ngự”. Do vậy, khăn phủ diện phải có màu đỏ chứ không thể là màu nào khác, vì màu đỏ là màu của sinh lực thần thánh, tượng trưng cho tầng/bầu trời..., có phủ khăn đỏ mới đưa được linh hồn thánh thiện nhập vào xác thân con đồng⁷.

- Màu sắc của đồ mã dâng lên các phủ và trang phục của các vị thánh “ngự giá về đồng” cũng luôn phải tuân thủ nguyên tắc: Thiên phủ có màu đỏ, Nhạc phủ có màu xanh lá cây hoặc màu lục, xanh lam, Thoải phủ có màu trắng và Địa phủ là màu vàng...

Từ những đặc điểm khái quát về nghi lễ hầu đồng trong tục thờ Mẫu như đã nêu, chúng ta có thể hình dung được phần nào bản chất và mục đích, cũng như ý nghĩa của sinh hoạt tín ngưỡng này.

Về bản chất, hầu đồng chính là sự xuất thần một cách chủ động của các con đồng, là những người có niềm tin tuyệt đối vào thánh Mẫu, nên thông qua các giá hầu, họ muốn khẳng định sự hiện hữu của thánh Mẫu (cùng chư vị thần linh) cũng như quyền năng của các ngài.

Về mục đích, trước hết hầu đồng là nhằm đạt đến sự thông linh. Từ thuở hồng hoang cho đến

nay, con người đã cảm nhận thấy hình như có một thế lực siêu hình chi phối cuộc sống của mình mà họ coi đó là đấng thiêng liêng hay thần linh, nên họ muốn tiếp cận với thần linh để cầu cho cuộc sống nhân thể của mình được tốt đẹp hơn. Một cách cụ thể thì các con đồng đều tin rằng, họ hầu đồng để “nhận” được “lộc” từ Mẫu, tuy “lộc” này với mỗi người sẽ biểu hiện một khác, nhưng đều xoay quanh những ước vọng trong cuộc sống hiện tại, như người đang làm ăn thất bát sẽ trở nên phát tài; người ốm đau bệnh tật sẽ khỏi bệnh, khỏe mạnh; người đang gặp “vận rủi” sẽ tai qua nạn khỏi, mọi sự hanh thông, tốt đẹp hơn...

“Đồng” nghĩa là cùng, con người bằng xuất thần đẩy linh hồn ra khỏi xác thân để tìm lấy một tâm hồn đồng điệu trong hệ Tứ phủ vạn linh, để vị thần đó mượn xác thân con đồng mà tiếp cận với chúng sinh.

“Đồng” còn có nghĩa là nhi đồng/trẻ con. Con người khi sinh ra thường bị cuộc sống nhân tạo chi phối, kìm hãm khả năng tiếp cận với sức ẩn tàng/năng lượng của thiên nhiên, vũ trụ. Chỉ trong khi hầu đồng, người ta mới tạm thời gạt bỏ được những sự ràng buộc nhân tạo đó, rồi bằng xuất thần có thể tìm lại được tâm hồn trẻ thơ mang bản chất trong trắng, hồn nhiên, và khi ấy thánh mới nhập vào xác phàm. Người ta tin rằng, có như vậy mới đồng cảm được với thần linh, hòa hợp được với thiên nhiên, vũ trụ và mới biết được sự dạy bảo của đấng thiêng liêng.

Người ta còn hầu đồng để mua vui và ca tụng thần linh, mặc dù không thường xuyên nhưng trong những dịp nào đó (ngày hội) có hầu vui, một hình thức hầu đồng chỉ nhằm tôn vinh thánh Mẫu và chư vị công đồng là chính, các mục đích khác rất mờ nhạt hoặc hầu như không có.

Về mặt ý nghĩa, có thể tin rằng, hầu đồng là một hiện tượng thiền quán tưởng⁸ dân dã - tức là một hình thức yoga tinh thần của giới bình dân; thông qua thực hiện nghi lễ hầu đồng, tâm hồn và thể xác con đồng được thanh lọc và như được tiếp thêm năng lượng/sinh lực, sau đó họ cảm thấy tinh thần minh mẫn, sức khỏe tốt hơn. Rất nhiều ông, bà đồng đã nói rằng, sau mỗi lần hầu thánh, mọi bệnh tật của họ dường như hết sạch mà chưa cần tới một viên thuốc nào.

Trước đây, giới đồng bóng thường là phụ nữ và những người bị coi là “có vấn đề” về mặt tâm/sinh lý, hoặc nói một cách khác, có thể coi là họ có một khiếm khuyết nào đó, không được hoàn thiện/hoàn chỉnh như những người bình thường khác. Trong xã hội cũ, khi mà trình độ dân trí còn thấp, giá trị và bản sắc của mỗi cá nhân chưa được coi trọng, những định kiến và bất công chắc chắn sẽ đè nặng lên thân phận của những người này, khiến cho họ khó lòng tìm được cho mình một vị thế trong cộng đồng. Khi ấy, thực hiện nghi lễ hầu đồng ở cửa điện Mẫu đã đem lại cho những số kiếp phải chịu thiệt thòi này cảm giác như được thay đổi thân phận, vì khi ấy “hồn” thần đang “nhập” vào xác phàm, khiến người ta thấy mình như được đồng nhất với thánh thần, có một cương vị “nói có người nghe, đe có kẻ sợ”, cương vị mà trong cuộc đời thực họ hiếm khi có được. Trong giây phút thăng hoa trước ban thờ Mẫu, trước sự “ưu ái” của thần linh - vì các ngài đã “chọn” xác thân của những người này chứ không phải là những người bình thường khác trong cộng đồng, để làm “giá”, làm “ghế” - các con đồng như tìm được giá trị và vị thế của mình, có lẽ họ còn tìm được cả ý nghĩa cho sự tồn tại của bản thân mình trong cuộc đời này. Và, như vậy, họ sẽ được an ủi và được giải thoát trong ảo giác, dù ngắn ngủi nhưng vẫn đủ sức tạo sự cân bằng tối thiểu cho cuộc sống thường ngày, có lẽ vì thế mà nhiều bà đồng đã thừa nhận: “Thứ nhất ngồi đồng, thứ nhì lấy chồng quan!”.

Hầu đồng còn là một hình thức sân khấu tâm linh dân gian, bởi ở nghi lễ này có đủ các thành tố nghệ thuật cần thiết của sân khấu, như tích (sự tích và hành trạng của các vị thánh, được ghi lại trong các bản văn chầu bằng các thể thơ dân gian, như: lục bát, lục bát biến thể, song thất lục bát...), nghệ thuật biểu diễn với vũ đạo đẹp mắt, âm nhạc với các làn điệu chầu văn phong phú, “sàn diễn” sân khấu (tính thiêng là đặc điểm nổi bật của “sàn diễn” này), phục trang và khán giả. Ở “sân khấu” hầu đồng, mọi thành viên - từ các ông, bà đồng, những người dự lễ... - đều tham gia một cách tự nguyện, và khi kết thúc vấn hầu mỗi người đều tìm được một sự thỏa mãn nhất định về mặt tâm linh. Hơn nữa, ở sân khấu này, phần về sự tích và hành động của các vị thần/thánh, nhất là các nhân thần, được “diễn” lại nhằm mục đích giáo dục tinh thần “uống nước nhớ nguồn”, đó còn là

một bài học lịch sử dân gian có tính chất truyền miệng và dễ nhớ, dễ đi vào lòng người.

2. Hầu đồng điện Mẫu trong sự phân biệt/đối sánh với những hình thức tương tự

Trước năm 1945 ở châu thổ Bắc Bộ, trong dân gian vẫn tồn tại hai dòng hầu đồng là thanh đồng và hầu đồng điện Mẫu. Thanh đồng là những người có “căn thờ” Đức thánh Trần - một vị thánh có khả năng trừ tà ma, bệnh tật cho con người, nhất là phụ nữ và trẻ em. Sự thờ phụng Đức thánh Trần của các thanh đồng là thuộc về một dòng/hình thức tín ngưỡng khác với tục thờ Mẫu. Nếu như ở điện thần Tứ phủ, thánh Mẫu là tối thượng thần thì ở tín ngưỡng Đức thánh Trần, vị trí ấy thuộc về vị thần xuất thân là một anh hùng dân tộc có thật của người Việt: Hưng đạo vương Trần Quốc Tuấn. Tuy trong các kiến trúc thờ Mẫu vẫn có ban thờ riêng Đức thánh Trần, hoặc phủ Trần triều, tùy vào điều kiện thực tế của từng không gian cụ thể, nhưng ở đó Đức thánh Trần không phải được thờ ở vị trí cao nhất. Và, cho dù các con đồng có hầu giá Trần triều trước ban thờ Mẫu đi nữa, thì cũng không phải với hình thức và mục đích như khi các thanh đồng “hữu sự” “kiểu” thánh. Sự khác nhau giữa hầu đồng điện Mẫu và hầu đồng ở cửa Đức thánh Trần đã được chúng tôi đề cập trong một bài viết đã công bố⁹, ở đây chỉ xin nhấn mạnh thêm về sự khác biệt cơ bản nhất giữa hai hình thức này. Đó là các thanh đồng hầu thánh chỉ với mục đích cầu xin Đức thánh Trần và bộ hạ của ngài cứu giúp chúng sinh trong hai lĩnh vực: chữa bệnh (ngồi đồng thánh), hoặc trừ tà sát quỷ (ngồi đồng tà). Tức là các thanh đồng không bao giờ hầu thánh vì cá nhân mình, mà luôn luôn kêu cầu cho chúng sinh. Còn các con đồng hầu thánh Tứ phủ là để cầu xin những điều tốt đẹp, may mắn (như cầu tài, cầu lộc, cầu duyên, sức khỏe...) cho chính bản thân mình; việc phán truyền và ban phát phúc lộc, tìn nhang nước thải để chữa bệnh... cho những người tham dự chỉ là hệ quả chứ không phải là mục đích của kiểu hầu đồng này. Có nghĩa là, những hành động ấy đầu tiên là để cho các con nhang đệ tử thấy được quyền năng của các vị thánh về đồng, và sau đó cũng nhằm thể hiện vị thế “bề trên” của chính bản thân các con đồng, vị thế mà họ không/khó có được trong cuộc đời thực.

Từ sau năm 1954, khi mà lớp các thanh đồng cũ cuối cùng đã mất thì việc ngồi đồng theo lối

cổ ở vùng Kiếp Bạc không còn nữa, vì trong bối cảnh lúc bấy giờ, việc truyền đạo để có người kế tục hương khói trong các điện thờ Đức thánh Trần là không thể. Có lẽ do sự “đứt gãy” trong việc trao truyền đạo thờ thánh kéo dài cả mấy chục năm như vậy, đã khiến cho những thanh đồng mới xuất hiện vào khoảng thập niên 90 của thế kỷ trước không thể thực hành đúng các nghi lễ hầu thánh như trước năm 1954, và việc họ hầu đồng ở cửa Đức thánh Trần nhưng lại có nhiều nét gần gũi với hầu đồng điện Mẫu¹⁰ cũng là một điều dễ hiểu. Chúng tôi cho rằng cũng từ sự gần gũi về mặt hình thức như vậy mà nhiều “đồng cô bóng cậu” của Tứ phủ, do không có những hiểu biết đầy đủ về cả tín ngưỡng thờ Đức thánh Trần và tín ngưỡng thờ Mẫu, đã tự gọi mình là thanh đồng, và danh xưng này đến nay đã được các con nhang đệ tử của Mẫu sử dụng rộng rãi, thay cho cách gọi đơn giản là các con đồng hay cô/cậu đồng, ông/bà đồng như trước đây.

Cũng có nhà nghiên cứu cho rằng, hầu đồng điện Mẫu chính là một hình thức Shaman giáo của người Việt, nhưng chúng tôi thấy rằng, hai hình thức này không phải là một, mà hầu đồng chỉ ít nhiều mang tính chất Shaman giáo, vì hiện tượng xuất thần của Shaman “gồm hai cách, hoặc thần linh nhập vào người thầy pháp (hay vào trống của thầy), hoặc ngược lại, hồn thầy pháp chu du lên xứ sở thần linh”¹¹, còn xuất thần trong hầu đồng chỉ có hồn thần linh nhập vào người con đồng, chứ hồn con đồng không thể “chu du lên xứ sở thần linh” được¹². Hơn nữa, “Shaman giáo là hình thái tôn giáo thể hiện bằng phép thuật và các Shaman là những người có khả năng tự đưa mình vào trạng thái xuất thần. Ý thức, tinh thần và tâm lý của họ biến đổi và họ làm nhiệm vụ trung gian giữa con người với “thần linh” để giao tiếp với “thần linh”, nương vào sức mạnh của “thế giới siêu nhiên” để làm những việc như: hành lễ, chữa bệnh, phù phép, tiên báo hậu vận cho cá nhân hay cộng đồng, ban ơn phúc và bảo hộ cho cá nhân hay cộng đồng”¹³. Nếu theo quan điểm này thì mục đích xuất thần và mức độ xuất thần của các Shaman và các con đồng là không giống nhau, và nếu nhìn từ phương diện này thì hầu đồng dòng Đức thánh Trần (thanh đồng) còn gần gũi với Shaman giáo hơn là hầu đồng điện Mẫu.

Đã có một thời, những mặt trái của tín ngưỡng thờ Mẫu và việc thực hành nghi lễ hầu bóng khiến cho các nhà quản lý văn hóa và người dân nói chung có một cái nhìn không thiện cảm với các con đồng cũng như các vấn hầu của họ, và hệ quả là việc thờ Mẫu và hầu đồng đã không được khuyến khích. Nhưng thực tiễn sinh hoạt tâm linh từ sau năm 1986 đã cho thấy nhu cầu được thờ phụng thánh Mẫu và/vì tìm thấy ở đó những an ủi, giải tỏa... là một nhu cầu hoàn toàn chính đáng và cần được thỏa mãn của một bộ phận không nhỏ người dân. Tín ngưỡng thờ Mẫu và việc thực hành những nghi lễ nhằm tôn vinh thánh Mẫu từ đó có điều kiện "sống lại" mạnh mẽ hơn. Nhưng nếu như trước đây, các con đồng là những người có hiểu biết một cách đầy đủ về những quy định trong thờ phụng cũng như thực hành lễ thức thì giờ đây không phải con đồng nào cũng vậy, nhất là với những dạng như "đồng đua, đồng đú". Sự thay đổi, thêm bớt khi thực hành nghi lễ - trong cả ý thức và vô thức - của những con đồng không thông hiểu lắm các luật lệ của việc hầu thánh đã khiến cho sinh hoạt này không còn giữ được những giá trị, ý nghĩa... của nó (như có con đồng dùng khăn phủ diện màu vàng, hay việc hầu thánh không phải trước ban thờ các Ngài mà theo kiểu "biểu diễn" tiết mục sân khấu, các vấn hầu nặng về "đời" hơn là "đạo" dẫn tới đồng tỉnh nhiều hơn đồng mê...). Bên cạnh đó, tính thương mại, thực dụng đã khiến cho các buổi hầu đồng bị giảm đi nhiều sự linh thiêng, ngày càng phát sinh thêm những tiêu cực mới. Việc trả lại nét đẹp nguyên sơ vốn có cho hình thức sinh hoạt tâm linh này trong bối cảnh hiện nay đòi hỏi sự vào cuộc của không chỉ các nhà quản lý, mà còn cả các nhà nghiên cứu. Và, bài viết này của chúng tôi cũng bước đầu hướng tới mục đích ấy./.

V.T.H.L

Chú thích:

- 1- Tô Hoài, *Chuyện cũ Hà Nội*, Nxb. Kim Đồng, tr. 523.
- 2- Năm 2000, tôi đã công bố bài viết "Hầu đồng một hình thức sinh hoạt sân khấu dân gian", in trên *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật* số 9 (195) (tr. 85 - 88). Sau một quá trình tiếp tục nghiên cứu nghi lễ này, tôi thấy rằng, bài viết trên mới tiếp cận hầu đồng từ góc độ là một hình thức sân khấu dân gian, đồng thời, trong đó có những nhận thức cần được bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp với những hiểu biết của bản thân đến thời điểm hiện nay. Trên tinh thần ấy, tôi đã phát triển và mở

rộng những nội dung mà tôi đã công bố trong "Hầu đồng một hình thức sinh hoạt sân khấu dân gian", để trở thành bài viết này, nhưng từ một hướng tiếp cận khác: hầu đồng là một nghi lễ của tục thờ Mẫu.

3- Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2006), "Những vấn đề nhân học tôn giáo", *Tạp chí Xưa & Nay*, Nxb. Đà Nẵng, tr. 343.

4- Khi xảy ra những hiện tượng như kiệu đi giật lùi, kiệu dừng lại hoặc kiệu bay (chạy đi, chạy lại nhiều lần một cách ngẫu hứng, hoặc đi quá nơi đã định. Kiệu có thể chạy bằng qua đồng mới cày hay qua sông... Ở hội làng Mễ Trì, Hà Nội, trước đây thường làm cầu phao rước kiệu nhưng mỗi khi kiệu bay thì phu kiệu đã lao thẳng xuống sông và thờ bằng ống đu đủ, chỉ thấy kiệu dập dềnh trên mặt nước...), hay kiệu quay (quay tròn)..., thì dân gian đều cho rằng, đó là một cách biểu hiện thái độ (đối với quá trình tổ chức lễ hội) và sự hiện diện của thần linh. Và, trong những trường hợp này thì các phu kiệu cũng không còn làm chủ được hành động của mình, họ chỉ đang tuân theo sự "sai khiến" của thần linh.

5- Chúng tôi cho rằng, những phu kiệu hay những người tham dự lễ Randa..., đã "bị" đưa vào trạng thái ảo giác bởi những tác động từ ngoại cảnh, tức là từ không gian thiêng, chứ trước đó họ không có ý thức để tự đưa mình vào trạng thái ảo giác và xuất thần.

6- Hầu đồng không phải là một tín ngưỡng độc lập như có tác giả vẫn cho là vậy, mà chỉ là một nghi lễ của tín ngưỡng thờ Mẫu.

7- Hiện nay, không biết vì lý do gì mà có những ông, bà đồng lại dùng khăn phủ diện màu vàng (?), và tôi cũng chưa có điều kiện hỏi trực tiếp họ về ý nghĩa của sự thay đổi này.

8- Quán: xem; tương: tư tưởng

9- Võ Hoàng Lan (2006), "Thanh đồng nhìn từ Kiếp Bạc", *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 1 (18) - 2007.

10- Xem thêm Võ Hoàng Lan (2006), *bđđ*.

11- X.A.Tocarev (1994), *Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 330.

12- Tuy nhiên, tôi vẫn băn khoăn về việc khi hồn thần linh nhập vào xác con đồng thì hồn con đồng ở đâu (trường hợp đồng mê)? Vì con đồng phải xuất hồn cá thể ra khỏi xác thân thì thần linh mới có thể "mượn" thân xác ấy để tiếp cận với chúng sinh.

13- Dẫn lại theo Phan Thị Yến Tuyết (2010), "Tri thức bản địa về Shaman giáo trong các cộng đồng cư dân Việt, Khmer và Hoa tại Nam Bộ", trong *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*, quyển 2, Nxb. Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 134 - 135.

(Ngày nhận bài: 19/3/2017; ngày phản biện đánh giá: 28/3/2017; ngày duyệt đăng bài: 14/4/2017).